| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15 /2019/DS-PT
Ngày: 12 – 3 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Phượng

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Phương – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Ông Nguyễn Đồng Khởi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2018/TLPT-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2019/QĐPT- DS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 10/ 2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Đinh Công B, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T (được ủy quyền theo văn bản ngày 11/3/2019).

Địa chỉ: Ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn*:

*2*.1 Anh Bùi Văn M

*2*.2 Bà Nguyễn Thị L ( Trần Thị L)

Cùng địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

*3. Người có quyền lợi , nghĩa vụ L quan:* Chị Bùi Thị T (T)

Địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Đinh Công B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn ông Đinh Công B trình bày: Vào năm 2007, bà Nguyễn Thị L cùng con gái là chị Bùi Thị T (T) có qua nhà ông B vay tiền nhiều lần, tổng cộng các lần vay với số tiền là 24.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, không làm biên nhận và không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến ngày 06/4/2009, con trai bà L là anh Bùi Văn M đã trả được số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k; còn nợ lại số tiền 14.000.000 đồng. Anh M có làm biên nhận nợ lại số tiền 14.000.000 đồng với nội dung "M có mượn chú B số tiền là 14.000.000 đồng ngày 6/4/2009"; chữ viết trong biên nhận là do ông B viết, còn chữ ký và tên Bùi Văn M là do anh M ký và viết. Việc vay nợ và giao tiền, vàng là giao trực tiếp cho bà L và chị T nhận, còn anh M không có vay cũng như không có nhận tiền và vàng; biên nhận ngày 06/4/2009 là nợ của bà L và chị T, do ông B yêu cầu anh M viết, ông B không có đưa tiền cho anh M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Khoảng 10 năm trước, chị Bùi Thị T ( con gái bà L) có vay tiền, vàng của ông Đinh Công B nhưng bà không biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Do làm ăn thất bại, nên chị T đã bỏ địa phương đi, ông B có qua nhà bà L đòi nhiều lần, gây khó dễ cho gia đình bà L, nên anh Bùi Văn M (con trai bà L) đã cầm cố đất trả cho ông B số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Việc chị T còn nợ lại ông B bao nhiêu bà không biết. Bà L không có vay tiền của ông B, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông B.

Bị đơn anh Bùi Văn M trình bày: Vào năm nào anh không nhớ, anh M nghe bà L nói chị T có vay tiền, vàng của ông B, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu anh không biết. Do làm ăn thất bại, chị T đã bỏ địa phương đi làm thuê của thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ). Ông B có đến nhà đòi nhiều lần, do ông B nói nặng nhẹ bà L, nên anh M cầm cố đất trả cho ông B số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 k. Khi trả tiền và vàng anh M có làm biên nhận do chính tay anh M viết và ký tên, nhưng đã đưa ông B giữ. Còn biên nhận ngày 6/4/2009 do ông B cung cấp thì chữ ký và chữ viết tên Bùi Văn M là chữ ký và chữ viết tên của anh M; còn nội dung biên nhận thì không đúng, chữ viết trên phần nội dung không phải chữ viết của anh M. Do anh M không có vay tiền và vàng của ông B, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công B, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn M trả số tiền 14.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/4/2009.

Ông Đinh Công B có quyền khởi kiện chị Bùi Thị T bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp và có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2018, ông Đinh Công B có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo, yêu cầu anh Bùi Văn M trả số tiền 14.000.000 đồng theo biên nhận ngày 6/4/2009.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Công B là bà Nguyễn Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Công B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đinh Công B có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông B và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của ông B là bà Nguyễn Thị Bích L tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T cho rằng: Về nguồn gốc số tiền 24.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k là tiền, vàng của bà cho cả ba người cùng vay là bà Nguyễn Thị L, chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn M, do bà trực tiếp giao tiền, vàng cho ba người cùng nhận, ông B chồng bà không có đứng ra cho vay. Đến năm 2009, anh M đã trả được số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, còn nợ lại số tiền 14.000.000 đồng, do anh M đã ký biên nhận nợ ngày 6/4/2009, nên anh M phải có trách nhiệm trả nợ. Tại

phiên tòa, bà T yêu cầu 03 người bà L, chị T và anh M cùng có trách nhiệm trả số tiền 14.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/4/2009.

[2.1] Xét, lời khai của bà T là người đại diện theo quyền của ông B và lời khai của ông B trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có sự mâu thuẫn nhau, cụ thể: tại Biên bản hòa giải ngày 11/6/2018 ( BL số 17), Biên bản hòa giải ngày 13/7/2018 (BL số 25) và Biên bản đối chất ngày 13/7/2018 (BL số 26), ông B khai thống nhất "vào năm 2007, ông cho bà Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị T vay tiền, vàng nhiều lần tổng cộng số tiền là 24.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k loại 98%, ông đưa trực tiếp cho bà L nhận 6.000.000đồng và 01 chỉ vàng 24k, số tiền còn lại do chị T nhận. Đến ngày 6/4/2009, anh Bùi Văn M đứng ra trả nợ thay số tiền 10.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24k" và "việc M ký tên xác nhận vào biên nhận ngày 06/4/2009 là do tôi yêu cầu, chứ thực chất số tiền 14.000.000 đồng là nợ của chị T với bà L, không phải nợ của M, tôi cũng chưa từng đưa tiền cho M". Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thì ngoài lời khai của bà T, bà T không đưa ra được chứng cứ nào chứng M việc anh M có vay tiền, vàng trực tiếp từ bà T và ông B đã khẳng định việc anh M ký biên nhận nhằm xác nhận nợ thay chứ không phải nợ của anh M. Nên không có căn cứ xác định anh M là người trực tiếp vay tiền, vàng của ông B hay bà T, nên anh M không phải có nghĩa vụ trả nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ. Xét, cả quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông B và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T thì ngoài lời khai của đương sự, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng M việc bà L có vay tiền, vàng của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày để làm căn cứ giải quyết vụ án và bị đơn bà L không thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Đối với trách nhiệm trả nợ thay. Nguyên đơn ông B cho rằng, anh M ký biên nhận ngày 06/4/2009 là ký xác nhận trả nợ thay cho bà L và chị T. Như đã phân tích trên, thì bà L không có nợ ông B nên không phải trả thay cho bà L. Đối với chị T: thì bà L và anh M thừa nhận chị T có vay tiền, vàng của ông B, nhưng bà L và anh M không xác định được chị T vay cụ thể bao nhiêu, do ông B qua nhà đòi nhiều lần nên anh M đã trả thay cho chị T số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, còn việc chị T còn nợ lại hay không, hay nợ bao nhiêu thì bà L và anh M không biết. Do đó, căn cứ theo biên nhận ngày 06/4/2009 do ông B cung cấp, anh M thừa nhận

chữ ký và chữ viết dưới tên Bùi Văn M là do anh ký và viết tên, nhưng nội dung không thể hiện anh M có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị T, nên không có cơ sở chấp nhận anh M phải trả nợ thay cho chị T theo biên nhận ngày 06/4/2009. Nếu ông B có căn cứ có quyền khởi kiện chị T bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, ông Đinh Công B là người kháng cáo có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bích T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Công B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Công B phải chịu 300.000 đồng, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Công B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2018/DS-ST, ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

*Tuyên xử:*

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn M trả số tiền 14.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/4/2009.

2. Ông Đinh Công B có quyền khởi kiện chị Bùi Thị T bằng vụ án khác khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Công B phải chịu 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), được chuyển 350.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015833 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy

thành án phí, ông B còn phải nộp thêm 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Công B phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018321 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/ 3 /2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND h V;
- Chi cục THADS h V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Dương Quốc Tuấn**